

NỘI DUNG HỌC TẬP TẠI NHÀ
Trong thời gian học sinh được nghỉ do dịch Covid – 19
TUẦN 3 (TỪ 20/09/2021 ĐẾN 24/9/2021)

1. MÔN: TIN HỌC 8

Bài thực hành 1.
LÀM QUEN VỚI FREE PASCAL

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

- Dấu chấm phẩy (;) được dùng để phân cách các lệnh trong Pascal.
- Lệnh **Write** thông báo ra màn hình.
- Lệnh **Writeln** thông báo ra màn hình và đưa con trỏ xuống đầu dòng tiếp theo. Có thể in thông tin dạng văn bản hoặc dạng số. Văn bản cần phải đặt trong cặp dấu nháy đơn.
Vd: writeln('Chao cac ban');
- Câu lệnh **clrscr** dùng để xóa màn hình và chỉ sử dụng được khi đã khai báo thư viện **crt**.

Thực hành các bài tập sau

Bài 1. Làm quen với việc khởi động và thoát khỏi Free Pascal. Nhận biết các thành phần trên màn hình của Free Pascal (sgk trang 15,16).

Đọc và thực hiện các mục a), b), c), d), e), f), h) trong sgk.

Bài 2. Soạn thảo, lưu, dịch và chạy một chương trình đơn giản (sgk trang 16, 17).

Đọc và thực hiện các mục a), b), c), d) trong sgk.

Bài 3. Tìm hiểu một số lỗi trong chương trình và thông báo lỗi. (sgk trang 17,18).

Đọc và thực hiện các mục a), b), c) trong sgk.

Bài 4. Hãy chỉnh sửa chương trình để in ra lời chào và tên của em.

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các bài tập dưới đây

1) So sánh lệnh Write và Writeln?

- **Giống nhau:** thông báo ra màn hình
- **Khác nhau:** lệnh Writeln đưa con trỏ xuống đầu dòng tiếp theo, còn lệnh write thì không.

2) Để xóa màn hình em dùng lệnh nào? Lệnh đó chỉ sử dụng được khi nào?

Câu lệnh **clrscr** dùng để xóa màn hình và chỉ sử dụng được khi đã khai báo thư viện **crt**.

-----HẾT-----

2. MÔN: HÓA HỌC 8

Chủ đề 3: CÔNG THỨC HÓA HỌC (CTHH)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

CTHH dùng để biểu diễn **chất**.

1. Công thức hóa học của đơn chất

- Công thức hóa học của đơn chất chỉ gồm kí hiệu hóa học của 1 nguyên tố.

- CTHH đơn chất kim loại: ghi như kí hiệu hóa học kim loại.

TD: Fe, Mg, K,...

- CTHH đơn chất phi kim: gồm 1 kí hiệu hóa học phi kim và thêm chỉ số dưới chân kí hiệu, thường là số 2.

TD: Cl₂, O₂, H₂,...

Lưu ý: 1 số phi kim sau được qui ước lấy KHHH làm CTHH: C, P, S, Si.

2. Công thức hóa học của hợp chất

- Công thức hóa học của hợp chất gồm kí hiệu hóa học của những nguyên tố tạo ra chất kèm chỉ số ở chân của mỗi kí hiệu.

TD: H₂O, H₂SO₄, CaCO₃,...

- CTHH dạng chung của hợp chất: A_xB_y hoặc A_xB_yC_z

(A, B, C: KHHH nguyên tố; x, y, z: số nguyên tử của nguyên tố)

Lưu ý: chỉ số 1 không cần ghi.

3. Ý nghĩa của công thức hóa học

- Mỗi công thức hóa học chỉ 1 phân tử của chất (trừ đơn chất kim loại và một số phi kim) và cho biết:

+ Nguyên tố nào tạo ra chất.

+ Số nguyên tử của mỗi nguyên tố trong 1 phân tử của chất.

+ Phân tử khối của chất.

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các bài tập dưới đây

Dạng 1: Lập công thức và tính phân tử khối của phân tử

Hoàn thành bảng theo mẫu sau:

STT	CHẤT	CTHH	PHÂN TỬ KHỐI
1	Khí Oxygen, biết phân tử gồm 2O	O ₂	2. 16 = 32 đvC
2	Thuốc tím, biết phân tử gồm K, 1Mn, 4O	KMnO ₄	39 + 55 + 4. 16 = 158 đvC
3	Khí Methane, biết phân tử gồm 1C và 4H		
4	Calcium oxide, biết phân tử gồm 1Ca và 1O		
5	Sodium sulfate, biết phân tử gồm 2Na, 1S và 4O		
6	Khí Nitrogen, biết phân tử gồm 2N		

Dạng 2:

- a. Cách viết sau chỉ những ý gì: 5 Cu, 2 NaCl, 3 CaCO₃
- b. Dùng số và kí hiệu hóa học diễn đạt ý sau: ba phân tử khí Oxygen, sáu phân tử Calcium oxide, năm phân tử Sodium sulfate.

Mẫu 1) 2 H₂O : hai phân tử nước

2) 3 phân tử Methane: 3 CH₄

Dạng 3: Ý nghĩa của công thức hóa học

Nêu ý nghĩa của các chất có công thức hóa học sau: CuO, H₂SO₄, N₂, NaCl, Al(OH)₃

Mẫu (1) CTHH H₂ cho biết:

+ Gồm 1 nguyên tố Hydrogen tạo ra chất

+ Có 2 nguyên tử H trong 1 phân tử.

+ PTK H₂ = 2 H = 2.1 = 2 đvC

(2) CTHH CaCO₃ cho biết

+ Gồm 3 nguyên tố Calcium, Carbon, Oxygen tạo ra chất.

+ Có 1 nguyên tử Ca, 1 nguyên tử C và 3 nguyên tử O trong 1

phân tử.

+ PTK CaCO₃ = 1 Ca + 1 C + 3 O = 40 + 12 + 3.16 = 100 đvC

-----HẾT-----

TIẾT 8:**UNIT 2: MAKING ARRANGEMENT
SPEAK + LISTEN****A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):****VOCABULARY**

- Junior high school (n) trường THCS
- Message (n) tin nhắn
- Appointment (n) cuộc hẹn
- Principal(n) hiệu trưởng

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các bài tập dưới đây**PRACTICE**

Task 1. Put the sentences in the correct order to make a complete conversation. (page 20)

- a) I'm fine. I'm going to a pop concert at the City Concert Center tonight. Would you like to come?
- b) Hello. 9 210 752
- c) It's *The Kids in Town*. You like it, don't you?
- d) Bye.
- e) Yes. What time can we meet?
- f) Hello. Can I speak to Eric, please? This is Adam.
- g) That's fine. See you at 7.15. Thank you, Adam.
- h) Bye, Eric.
- i) Which band is it?
- j) Hello, Adam. How are you?
- k) Is 7.15 OK? The concert starts at 7.45. Let's meet inside the center, at the café comer.

Answer key:

- 1 - b 2 - f 3 - j 4 - a 5 - i 6 - c
7 - e 8 - k 9 - g 10 - h 11 - d

Task 2. Complete the dialogue. Ba and Bao are making arrangements to play chess. Practice the dialogue with a partner. Then make similar. (page 20)

Ba: Hello. 8 257 012

Bao: (1) _____

Ba: Hello Bao. How are you?

Bao: (2) _____

Ba: Great. Me too.

Bao: (3) _____?

Ba: I'm sorry. I can't play chess tonight I'm going to do my homework.

Bao: (4) _____

Ba: Yes. Tomorrow afternoon is fine.

Bao: (5) _____

Ba: At the Central Chess Club? OK. Let's meet at the front door.

Bao: (6) _____

Ba: Great. See you tomorrow afternoon at 2.00 o'clock.

Answer key:

(1) **May/ Can I speak to Ba, please? This is Bao.**

(2) **I'm fine, thanks. How about you?**

(3) **Can you play chess tonight?**

(4) **How about tomorrow afternoon?**

(5) **I'll meet you at the Central Chess Club.**

(6) **Is 2.00 OK?**

Task 3: Listen and fill in the missing information (page 21)

Answer key:

KINGSTON JUNIOR HIGH SCHOOL

DATE: HS tự điền

TIME: HS tự điền

FOR : the Principle

MESSAGE: Mrs Mary Nguyen wanted to see you at 9.45 on Tuesday morning.

TELEPHONE NUMBER: 646 83720942

Audio script:

Secretary: Kingston Junior High School

Woman: Good afternoon. Could I talk to the principal, please?

Secretary: I'm afraid Mr. Kelvin is out at the moment. Would you like to leave a message?

Woman: Uhm, no. But I'd like to make an appointment to see him.

Secretary: I think he will be available on Tuesday.

Woman: Tuesday's OK. Can I see him in the morning?

Secretary: Sure, you can. What time would you like to come?

Woman: Is 10.30 OK?

Secretary: I'm sorry. The principal will have a school visit at 10.30. What about 9.45?

Woman: 9.45? Let me see. Yes. it's alright.

Secretary: What's your name, please?

Woman: My name's Mary Nguyen.

Secretary: Is that N-G-U-Y-E-N?

Woman: Yes. that's right. Mrs. Nguyen.

Secretary: And your address, please?

Woman: Number 23, 51st Street. My telephone number is 64683720942.

Secretary: Thank you, Mrs. Nguyen.

Woman: Thank you very much. Goodbye.

Secretary: Goodbye.

TIẾT 9 : UNIT 2 – MAKING ARRANGEMENT

READ

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

VOCABULARY

- emigrate (v): di cư, => emigration (n)
transmit (v): truyền, phát tín hiệu,
conduct (v): thực hiện
demonstrate (v) : biểu diễn, => demonstration (n)
device (n): thiết bị, máy móc ,
deaf- mute (n): người câm điếc. (syn, trans, example...)

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các bài tập dưới đây

PRACTICE

Task 1. True or false? Check (✓) the boxes. Correct the false sentences. (page 22)

	T	F
a) Alexander G. Bell was born in the USA.		
b) He worked with deaf-mute patients in a hospital in Boston.		
c) Thomas Watson was Bell's assistant.		
d) Bell and Watson introduced the telephone in 1877.		
e) Bell experimented with ways of transmitting speech between deaf-mutes over a long distance.		
f) Bell demonstrated his invention in a lot of exhibitions.		

Answer key

	T	F
a) Alexander G. Bell was born in the USA.		✓
b) He worked with deaf-mute patients in a hospital in Boston.		✓
c) Thomas Watson was Bell's assistant.	✓	
d) Bell and Watson introduced the telephone in 1877.		✓

e) Bell experimented with ways of transmitting speech between deaf-mutes over a long distance.		✓
f) Bell demonstrated his invention in a lot of exhibitions.	✓	

Task 2. Put the events in the correct order. (page 22)

Alexander Graham Bell...

- a) went to live in the United States.
- b) successfully demonstrated his invention.
- c) worked with Thomas Watson.
- d) was born in Scotland.
- e) went to live in Canada.
- f) invented the telephone.
- g) worked with people who could neither speak nor hear.

Answer key

1 - d 2 - e 3 - a 4 - g 5 - c 6 - b 7 - f

----- THE END-----

4A. MÔN: TOÁN. ĐẠI SỐ LỚP 8

Bài 4: NHỮNG HẰNG ĐẲNG THỨC ĐÁNG NHỚ (tt)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

4/ Lập phương một tổng

Với A, B là các biểu thức tùy ý ta có :

$$(A + B)^3 = A^3 + 3A^2B + 3AB^2 + B^3$$

Áp dụng :

$$a/ (x + 1)^3 = x^3 + 3.x^2.1 + 3. x.1^2 + 1^3$$

$$= x^3 + 3x^2 + 3x + 1$$

$$b/ (2x + y)^3 = (2x)^3 + 3.(2x)^2.y + 3.(2x).y^2 + y^3$$

$$= 8x^3 + 12x^2y + 6xy^2 + y^3$$

5/ Lập phương một hiệu

Với A ,B là các biểu thức tùy ý ta có:

$$(A - B)^3 = A^3 - 3A^2B + 3AB^2 - B^3$$

Áp dụng : Tính

$$a/ (x - \frac{1}{3})^3 = x^3 - 3.x^2. \frac{1}{3} + 3. x. (\frac{1}{3})^2 - (\frac{1}{3})^3$$

$$= x^3 - x^2 + 3.x. \frac{1}{9} - \frac{1}{27}$$

$$= x^3 - x^2 + \frac{1}{3}x - \frac{1}{27}$$

$$b/ (x - 2y)^3 = x^3 - 3.x^2.(2y) + 3.x.(2y)^2 - (2y)^3$$

$$= x^3 - 6x^2y + 3.x.4y^2 - 8y^3$$

$$= x^3 - 6x^2y + 12xy^2 - 8y^3$$

B.LUYỆN TẬP Ở NHÀ: Học sinh hoàn thành các bài tập dưới đây

Bài 26 trang 14: Tính

$$a/ (2x^2 + 3y)^3$$

$$b/ \left(\frac{1}{2}x - 3\right)^3$$

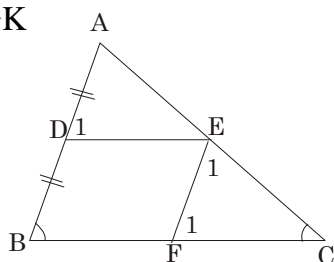
4B. MÔN: TOÁN. HÌNH HỌC LỚP 8

§4. ĐƯỜNG TRUNG BÌNH CỦA TAM GIÁC, CỦA HÌNH THANG

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GIỚI):

1. Đường trung bình của tam giác :

a) Định lý 1 : SGK



Chứng minh (xem sgk)

Cách ghi bài :

ΔABC có

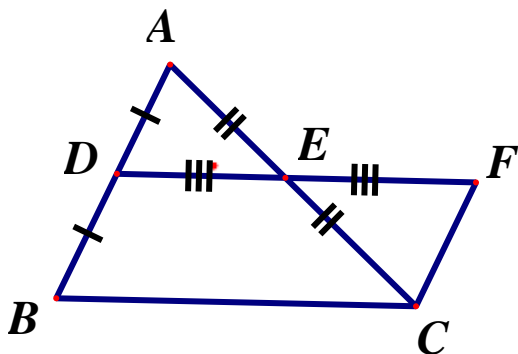
$DE \parallel BC$ ($E \in AC$)

D là trung điểm AB

Vậy E là trung điểm của AC

b) Định nghĩa : Đường trung bình của tam giác là đoạn thẳng nối trung điểm hai cạnh của tam giác

c) Định lý 2 : sgk tr77



Chứng minh xem sgk

Cách ghi bài :

ΔABC có

D là trung điểm AB

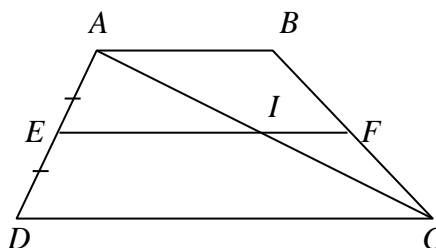
E là trung điểm của AC

$\Rightarrow DE$ là đường trung bình ΔABC

$\Rightarrow DE \parallel BC$ và $DE = \frac{1}{2} BC$

2. Đường trung bình của hình thang

* Định lý 3 : SGK



Chứng minh xem sgk

Cách ghi bài :

Hình thang ABCD có
E là trung điểm của AD và $EF \parallel AB \parallel CD$
 \Rightarrow F là trung điểm BC

* **Định nghĩa** : sgk tr78

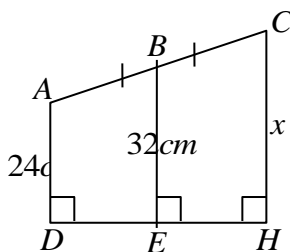
* **Định lý 4** : sgk tr78

Cách ghi bài :

E là trung điểm của AD
F là trung điểm của BC
 \Rightarrow EF là đường trung bình của hình thang ABCD
 $\Rightarrow EF \parallel AB \parallel DC$ và $EF = \frac{DC + AB}{2}$

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các bài tập dưới đây

5

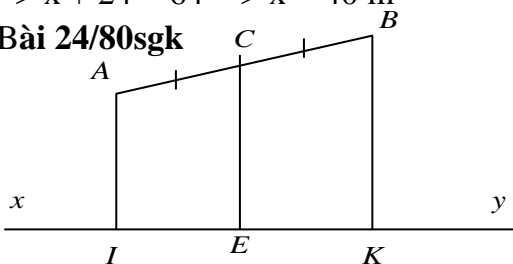


Chứng minh BE là đường trung bình của hình thang ACHD suy ra:

$$BE = \frac{AD + CH}{2} \quad \text{Hay } 32 = \frac{24 + x}{2}$$

$$\Rightarrow x + 24 = 64 \Rightarrow x = 40 \text{ m}$$

Bài 24/80sgk



Chứng minh

Vì $AI \perp xy$; $BK \perp xy \Rightarrow AI \parallel BK$.

Nên AIKB là hình thang.

Lại có: $AC = CB$ và $CE \parallel AI$ ($AI \perp xy$; $CE \perp xy$). Nên CE là đường TB.

$$\Rightarrow CE = \frac{AI + KB}{2} = \frac{12 + 20}{2} = 16 \text{ (cm)}$$

BTVN: 25; 26/80 SGK.

-----**HẾT**-----

5. MÔN: CÔNG NGHỆ 8

Tiết 5-Bài 5: Bài tập thực hành ĐỌC BẢN VẼ CÁC KHỐI ĐA DIỆN

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I-Chuẩn bị:

- Dụng cụ: thước, bút chì, tẩy..
- Sách giáo khoa

-II-Nội dung :

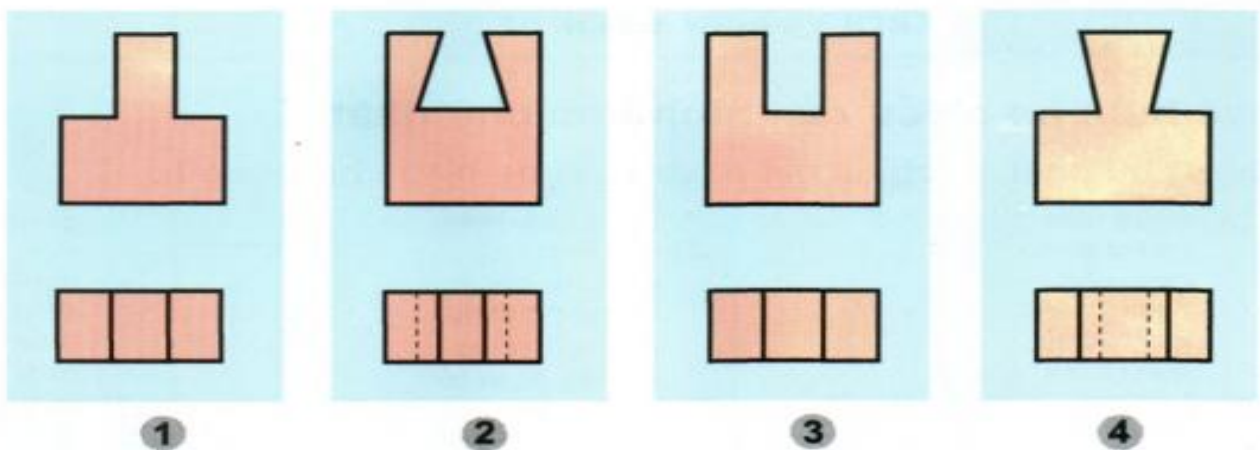
Đọc các bản vẽ hình chiếu 1,2,3,4 (h.5.1) và đối chiếu với các vật thể A,B,C,D (H.5.2) bằng cách đánh dấu (x) vào bảng 5.1 để chỉ rõ sự tương ứng giữa các bản vẽ và các vật thể. Hãy vẽ các hình chiếu đứng, bằng, cạnh của một trong các vật thể A,B,C, D.

III. Các bước tiến hành:

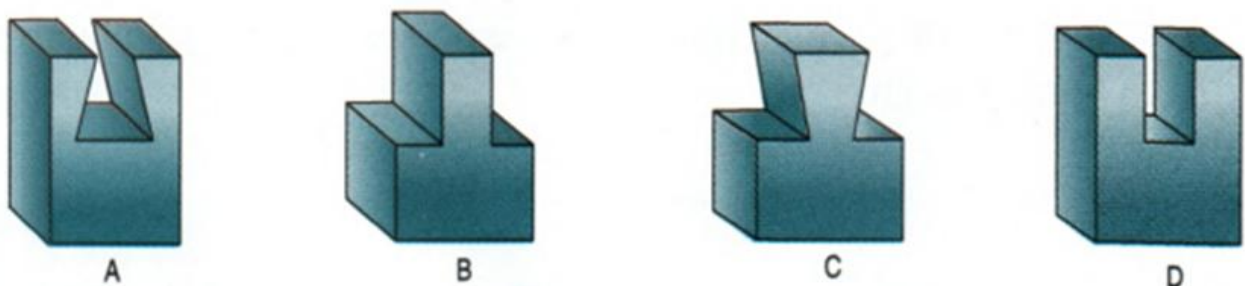
Bước 1: Đọc kĩ nội dung bài thực hành, đánh dấu (x) vào bảng 5.1

Bước 2: Vẽ các hình chiếu đứng bằng cạnh của vật thể B và D

Chú ý: (đọc SGK trang 21)



Hình 5.1. Các bản vẽ hình chiếu

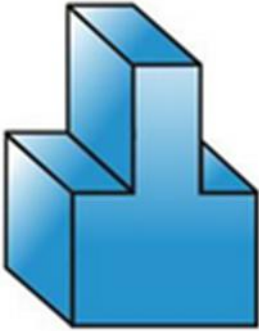
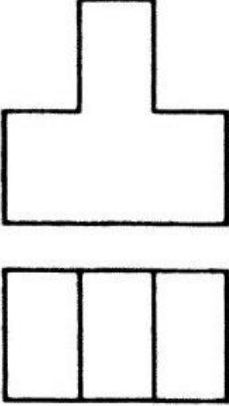



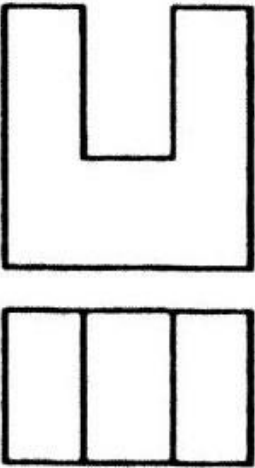
Hình 5.2. Các vật thể

VẬT THỂ BẢN VẼ	A	B	C	D
1				
2				
3				
4				

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các bài tập dưới đây

* Vẽ hình chiếu cạnh của vật thể B và vật thể D

VẬT THỂ B	VẼ HÌNH CHIẾU CẠNH
	

VẬT THỂ D	VẼ HÌNH CẠNH
	

Tiết 6- Bài 6: BẢN VẼ CÁC KHỐI TRÒN XOAY

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. Khối tròn xoay:

Khối tròn xoay được tạo thành khi quay một hình phẳng quanh một đường cố định (trục quay) của hình.

- a- Khi quay *hình chữ nhật* một vòng quanh một cạnh cố định, ta được *hình trụ*
- b- Khi quay *hình tam giác vuông* một vòng quanh một cạnh góc vuông cố định, ta được *hình nón*.
- c- Khi quay *nửa hình tròn* một vòng quanh đường kính cố định, ta được *hình cầu*.

II. Hình chiếu của hình trụ, hình nón, hình cầu:

1- Hình trụ:

Hình chiếu	Hình dạng	Kích thước
Đứng	Hình chữ nhật	d x h
Bằng	Hình tròn	d
Cạnh	Hình chữ nhật	d x h

2- Hình nón:

Hình chiếu	Hình dạng	Kích thước
Đứng	Tam giác cân	d x h
Bằng	Hình tròn	d
Cạnh	Tam giác cân	d x h

3- Hình cầu :

Hình chiếu	Hình dạng	Kích thước
Đứng	Hình tròn	d
Bằng	Hình tròn	d
Cạnh	Hình tròn	d

Chú ý: Thường dùng hai hình chiếu để biểu diễn khối tròn xoay, một hình chiếu thể hiện mặt bên và chiều cao, một hình chiếu thể hiện hình dạng và đường kính mặt đáy.

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các bài tập dưới đây

Câu 1: Nếu đặt mặt đáy của hình trụ song song với mặt phẳng chiếu cạnh thì hình chiếu đứng và hình chiếu cạnh có dạng hình gì?

.....

.....

Câu 2 : Nếu đặt mặt đáy của hình nón song song với mặt phẳng chiếu cạnh thì hình chiếu đứng và hình chiếu cạnh có dạng hình gì?

.....

.....

Câu 3: Các hình chiếu của hình cầu có đặc điểm gì?

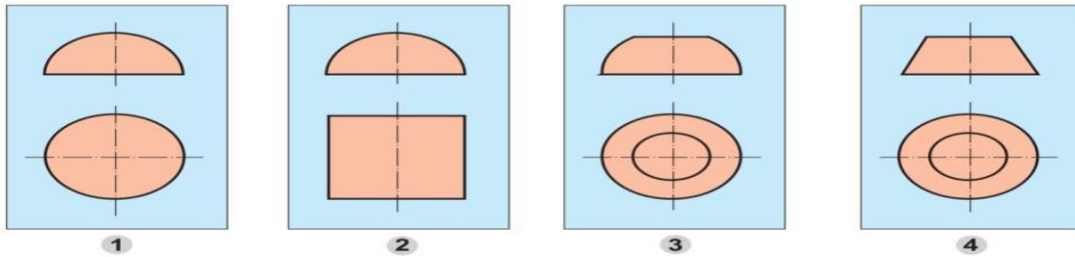
.....

.....

Câu 4: Hoàn thành bài tập: bảng 6.4 trong SGK trang 26

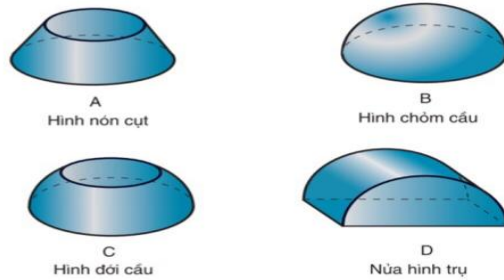
Bài tập

Cho các bản vẽ hình chiếu 1, 2, 3, 4 của các vật thể (h.6.6).



Hình 6.6. Bản vẽ các hình chiếu

- a) Hãy đọc các bản vẽ để xác định hình dạng của các vật thể đó.
- b) Hãy đánh dấu (x) vào ô thích hợp của bảng 6.4 để chỉ rõ sự tương quan giữa các vật thể A, B, C, D (h.6.7) với các bản vẽ các hình chiếu 1, 2, 3, 4 (h.6.6).



Hình 6.7. Các vật thể

Bảng 6.4

Vật thể Bản vẽ	A	B	C	D
1				
2				
3				
4				

6. MÔN: NGỮ VĂN 8

XÂY DỰNG ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

A. LÝ THUYẾT : NỘI DUNG GHI BÀI

I. Thế nào là đoạn văn?

**Ví dụ :*

- Văn bản: “Ngô Tất Tố và tác phẩm Tắt đèn”.

**Nhận xét:*

- Văn bản gồm 2 đoạn:

+ Đoạn 1: cuộc đời sự nghiệp Ngô Tất Tố, tác phẩm tiêu biểu.

+ Đoạn 2: Giới thiệu tóm tắt nội dung nghệ thuật tác phẩm Tắt đèn.

- Nội dung: Biểu đạt một ý tương đối hoàn chỉnh.

- Hình thức: Bắt đầu từ chỗ viết hoa -> xuống dòng.

**Ghi nhớ 1/ SGK/Tr.36*

II. Từ ngữ và câu trong đoạn văn

1. Từ ngữ chủ đề và câu chủ đề của đoạn văn.

- Từ ngữ chủ đề: các từ ngữ dùng làm đề mục hoặc các từ ngữ lặp lại nhiều lần nhằm duy trì đối tượng.

- Câu chủ đề: mang nội dung khái quát, lời lẽ ngắn gọn, thường đứng đầu hoặc cuối đoạn.

2. Cách trình bày nội dung đoạn văn

a. Đoạn

- Đoạn 1: Trình bày theo cách song hành.

- Đoạn 2: Trình bày theo cách diễn dịch.

b. Đoạn văn trình bày theo cách quy nạp.

** Ghi nhớ 2,3: SGK/trang 36*

B. LUYỆN TẬP : Học sinh hoàn thành các bài tập dưới đây

Bài tập 1: Viết đoạn văn có câu chủ đề: Lịch sử ta có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của nhân dân ta” theo 2 cách: Quy nạp và diễn dịch.

Bài tập 2: Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi cho bên dưới:

“ Mưa rả rích đêm ngày. Mưa tối tăm mặt mũi. Mưa thối đất, thối cát. Trận náy chưa qua, trận khác đã tới, ráo rít hung tợn. Tưởng như biển có bao nhiêu nước, trời hút lên, đổ hết xuống.”

- Xác định câu chủ đề của đoạn văn.

- Chủ đề của đoạn văn là gì?

- Đoạn văn trình bày theo cách nào?

LIÊN KẾT CÁC ĐOẠN VĂN TRONG VĂN BẢN

A. LÝ THUYẾT : NỘI DUNG GHI BÀI

I. Tác dụng của việc liên kết các đoạn văn trong văn bản

Ghi nhớ 1: SGK/Tr.36

II. Cách liên kết các đoạn văn trong văn bản

1. Dùng từ ngữ để liên kết đoạn văn.

- a. Dùng từ ngữ thể hiện ý liệt kê.
- b. Thể hiện ý tương phản, đối lập.
- c. Đại từ, chỉ từ được dùng làm phương tiện liên kết thay thế: đó, này, ấy, vậy.
- d. Thể hiện ý tổng kết.

2. Dùng câu nối để liên kết đoạn văn

**Ghi nhớ 2/ SGK/tr.53*

B. LUYỆN TẬP : Học sinh hoàn thành các bài tập dưới đây

Bài tập 1: Từ ngữ có tác dụng liên kết đoạn văn, quan hệ ý nghĩa.

- a. *Nói như vậy:* thay thế cho nội dung đoạn trên.
- b. *Thế mà:* biểu hiện sự tương phản, đối lập.
- c. - *Cũng:* nối đoạn 2 và 1, thể hiện ý liệt kê.
- *Tuy nhiên:* nối đoạn 3 và 2, thể hiện ý tương phản.

Bài tập 2: Điền vào chỗ trống (HS làm thẳng vào sgk trang 54).

Bài tập 3: Viết một đoạn văn với đề tài tự chọn, sau đó phân tích các phương tiện liên kết đã sử dụng.

-----HẾT-----

7. MÔN: VẬT LÝ 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

BÀI 4 . BIỂU DIỄN LỰC

I. ÔN LẠI KHÁI NIỆM LỰC:

Lực có thể làm biến dạng, thay đổi chuyển động (nghĩa là thay đổi vận tốc) của vật.

II. BIỂU DIỄN LỰC:

1/ Lực là một đại lượng véc tơ:

Lực vừa có độ lớn vừa có phương và chiều nên được gọi là đại lượng véc tơ.

2/ Cách biểu diễn và kí hiệu véc tơ lực:

- Lực là một đại lượng véc tơ được biểu diễn bằng một mũi tên có:

+ Gốc là điểm đặt của lực.

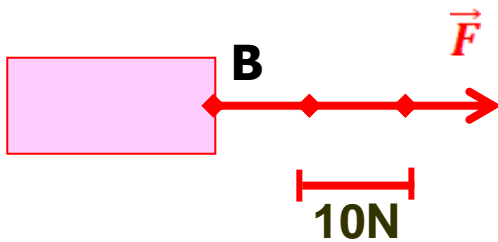
+ Phương và chiều trùng với phương và chiều của lực.

+ Độ dài biểu thị cường độ của lực theo tỉ xích cho trước.

- Kí hiệu của véc tơ lực: \vec{F}

- Kí hiệu cường độ của lực : F

Ví dụ 1:



Lực \vec{F} : + Điểm đặt tại B.

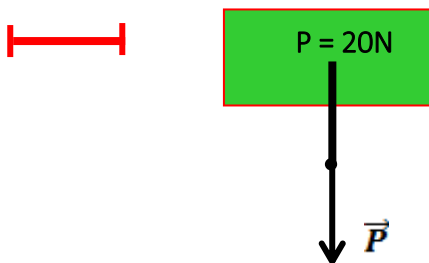
+ Phương nằm ngang.

+ Chiều từ trái sang phải.

+ Cường độ lực F = 30N.

Ví dụ 2: Biểu diễn trọng lực tác dụng lên vật có khối lượng 2kg. Tỉ xích tùy chọn.

$m = 2 \text{ kg} \Rightarrow P = m \cdot 10 = 20 \text{ (N)}$



-----HẾT-----

8. MÔN: SINH HỌC 8

BÀI 5: THỰC HÀNH: QUAN SÁT TẾ BÀO VÀ MÔ

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

- I. Làm tiêu bản và quan sát tế bào mô cơ vân.
- II. Quan sát tiêu bản (hình ảnh) các loại mô khác như: Mô sụn, mô xương, mô cơ trơn, mô cơ vân.

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các câu hỏi dưới đây

Câu 1: Hãy tóm tắt phương pháp làm tiêu bản mô cơ vân.

Câu 2: Vẽ hình, ghi chú thích đầy đủ các loại mô đã quan sát.

BÀI 6: PHẢN XẠ

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

I. TÌM HIỂU CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA NƠN:

1. Cấu tạo:

- Thân: hình sao, có nhân.

- Tua: * Tua ngắn (sợi nhánh) : phân nhánh

* Tua dài (sợi trục) : có bao miêlin, tận cùng là xináp

2. Chức năng:

- Cảm ứng: thu nhận và phản ứng lại kích thích bằng cách phát xung thần kinh.
- Dẫn truyền: lan truyền xung thần kinh trong sợi trục theo một chiều nhất định.
- Có 3 loại nơron : hướng tâm, ly tâm, và liên lạc.

II. CUNG PHẢN XẠ:

1. Phản xạ:

- Phản xạ là phản ứng của cơ thể trả lời các kích thích của môi trường thông qua hệ thần kinh.

- VD: Chạm tay vào vật nóng rút tay lại...

2. Cung phản xạ:

- Cung phản xạ là con đường mà xung thần kinh truyền từ cơ quan thụ cảm (da..) qua trung ương thần kinh đến các cơ quan phản ứng (cơ, tuyến....)

- Một cung phản xạ gồm 5 yếu tố : cơ quan thụ cảm, nơron hướng tâm, nơron trung gian, nơron li tâm và cơ quan phản ứng.

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các câu hỏi dưới đây

* **Câu 1:** Phản xạ là gì? Cho 3 ví dụ về phản xạ?

* **Câu 2:** Cung phản xạ là gì? Một cung phản xạ có mấy yếu tố?

* **Câu 3:** Cho biết có mấy loại nơron?

Hãy chọn đáp án đúng đối với câu 4, câu 5

* **Câu 4:** Nơron có hai chức năng cơ bản, đó là gì ?

- A. Cảm ứng và phân tích các thông tin
- B. Dẫn truyền xung thần kinh và xử lý thông tin
- C. Cảm ứng và dẫn truyền xung thần kinh
- D. Tiếp nhận và trả lời kích thích

* **Câu 5:** Cảm ứng là gì ?

- A. Là khả năng phân tích thông tin và trả lời các kích thích bằng cách phát sinh xung thần kinh.
- B. Là khả năng làm phát sinh xung thần kinh và dẫn truyền chúng tới trung khu phân tích.
- C. Là khả năng tiếp nhận và xử lý thông tin bằng cách phát sinh xung thần kinh.
- D. Là khả năng tiếp nhận và phản ứng lại các kích thích bằng cách phát sinh xung thần kinh

-----HẾT-----

9. MÔN: ĐỊA LÝ 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Chủ đề 1: CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN CỦA CHÂU Á.

(Bài 1 + 2 + 3 + 4) (tiếp theo)

III. Đặc điểm sông ngòi.

- Khá phát triển, nhiều hệ thống sông lớn.
- Phân bố không đều và có chế độ nước phức tạp.

a. Sông ngòi Bắc Á:

- Mạng lưới sông dày.
- Mùa đông nước đóng băng, mùa xuân có lũ băng.
- Các sông lớn: sông Ô- bi, Lê- na,...

b. Sông ngòi Nam Á, Đông Á, Đông Nam Á:

- Mạng lưới sông dày, nhiều sông lớn, lượng nước lớn vào mùa mưa.
- Các sông lớn: Hoàng Hà, Trường Giang, Mê công, sông Ấn, sông Hằng.

c. Sông ngòi Tây Nam Á và Trung Á:

- Ít sông, nguồn cung cấp nước do băng tuyết tan.
- Các sông lớn: sông A-mua Đaria, sông Xưa Đaria.

→ Giá trị kinh tế: thủy lợi, du lịch, giao thông,...

IV. Các đới cảnh quan tự nhiên.

Cảnh quan phân hóa rất đa dạng với nhiều loại: rừng lá kim, thảo nguyên, hoang mạc, cảnh quan núi cao,...(do sự phân hóa đa dạng về đới, kiểu khí hậu)

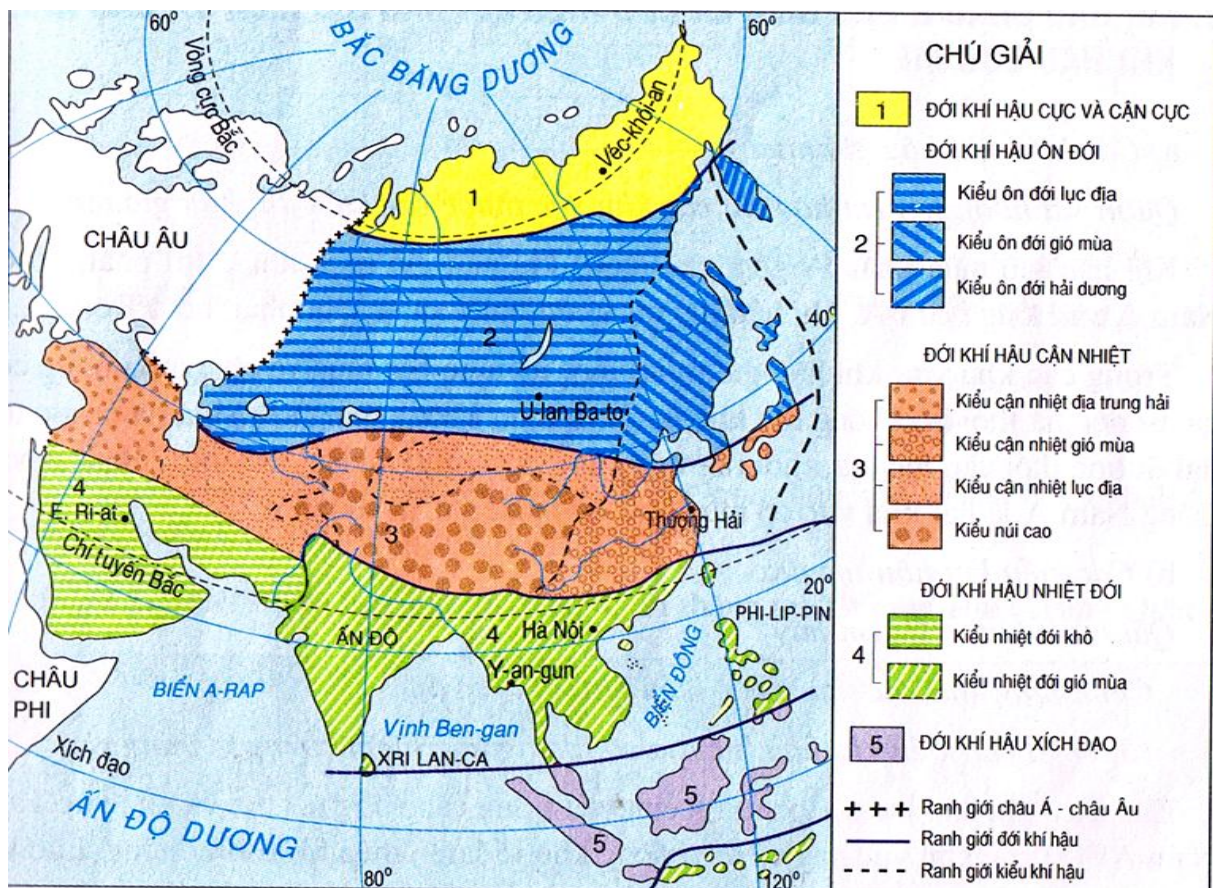
B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các câu hỏi dưới đây

1. Dựa vào kiến thức đã học. Em hãy nêu đặc điểm sông ngòi

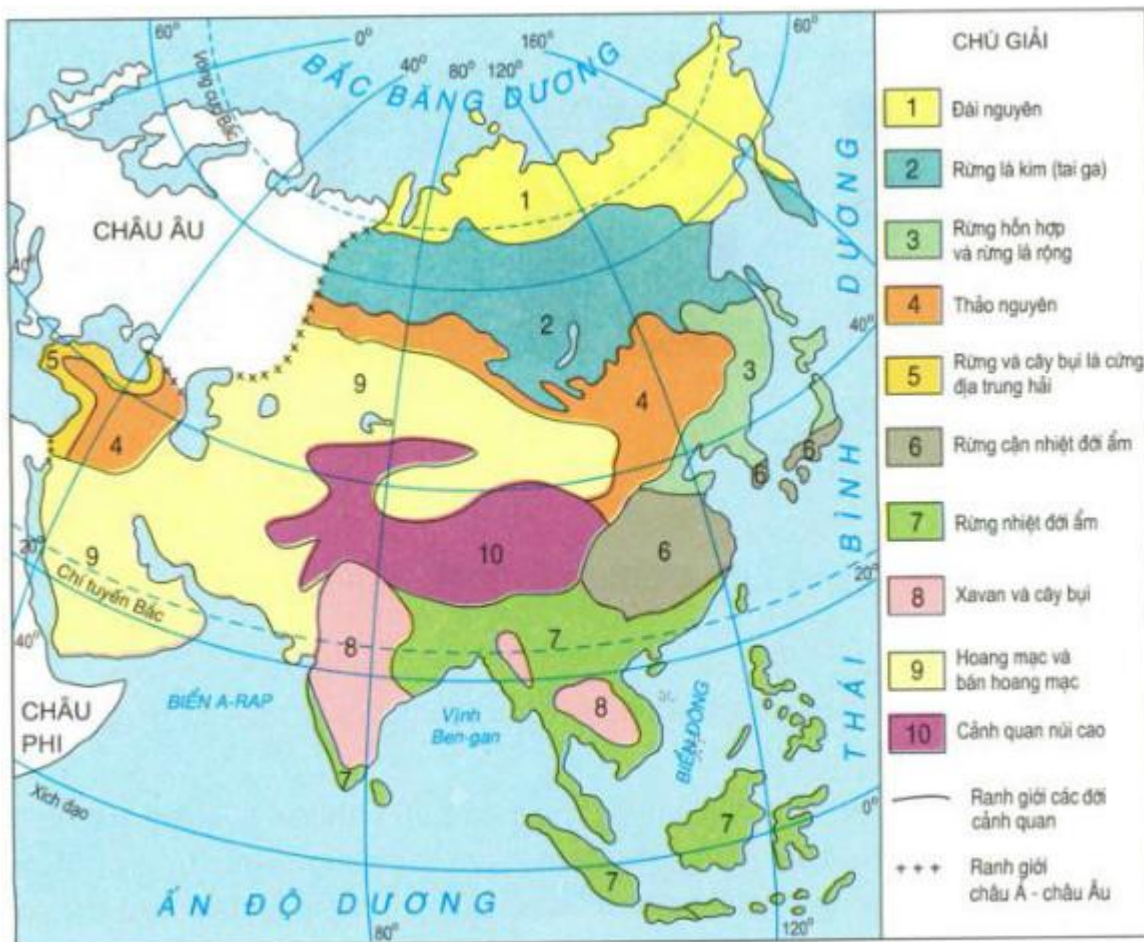
- Khu vực Bắc Á.
- Khu vực Nam Á, Đông Á, Đông Nam Á.
- Khu vực Tây Nam Á và Trung Á.

2. Dựa vào hình 2.1 và 3.1. Em hãy cho biết:

- Tên các đới cảnh quan của Châu Á theo thứ tự từ Bắc xuống Nam dọc theo kinh tuyến 80⁰ Đ.
- Tên các cảnh quan phân bố ở khu vực khí hậu gió mùa và các cảnh quan ở khu vực khí hậu lục địa khô hạn?



Hình 2.1: Lược đồ các đới khí hậu của Châu Á.



Hình 3.1. Lược đồ các đới cảnh quan tự nhiên châu Á

10. MÔN: LỊCH SỬ 8

Bài 3: CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ĐƯỢC XÁC LẬP TRÊN PHẠM VI THẾ GIỚI

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI)

I. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP

1/ Cách mạng công nghiệp ở Anh

- Từ năm 1760 máy móc được phát minh và sử dụng trong sản xuất. Đầu tiên là máy kéo sợi Gien-ni, máy dệt... Hầu hết máy móc chạy bằng sức nước.

- Năm 1784, Giêm Oát phát minh ra máy hơi nước. trở thành động cơ của các loại máy móc.

- Đầu thế kỉ XIX, tàu thủy và xe lửa chạy bằng máy hơi nước ra đời.

- Từ 1760 – 1840, Anh chuyển từ nền sản xuất nhỏ thủ công sang sản xuất lớn bằng máy móc – đây là cuộc cách mạng công nghiệp.

- Nước Anh được gọi là “công xưởng của thế giới”.

2/ Cách mạng công nghiệp ở Pháp, Đức (HS đọc SGK)

3/ Hệ quả của cách mạng công nghiệp

- Về kinh tế: ra đời nhiều trung tâm công nghiệp, thành phố lớn ➔ kinh tế TBCN phát triển mạnh

- Về xã hội: tư sản và vô sản trở thành 2 giai cấp cơ bản của xã hội tư bản ➔ mâu thuẫn với nhau.

II. CHỦ NGHĨA TƯ BẢN XÁC LẬP TRÊN PHẠM VI THẾ GIỚI

1/ Các cuộc cách mạng tư sản thế kỉ XIX (HS tự học)

2/ Sự xâm lược của tư bản phương Tây đối với các nước Á, Phi

- Nguyên nhân: do sự phát triển của kinh tế TBCN làm tăng nhu cầu tranh giành thị trường

- Kết quả: nhiều nước ở Á, Phi trở thành thuộc địa của tư bản phương Tây.

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành các câu hỏi dưới đây

1. CM công nghiệp diễn ra đầu tiên ở nước nào?

- | | |
|---------|--------|
| a. Anh | b. Đức |
| c. Pháp | d. Mĩ |

2. Chiếc máy được chế tạo đầu tiên ở Anh là:

- | | |
|-----------------------------------|------------------------|
| a. Máy dệt | b. Máy kéo sợi Gien-ni |
| c. Máy kéo sợi chạy bằng sức nước | d. Máy hơi nước |

3. Người đã phát minh ra máy hơi nước là:

- Giêm Ha-gri-vơ
- Ác-crai-tơ
- Ét-mơn Các-rai
- Giêm Oát

4. Cách mạng công nghiệp ở Anh đã diễn ra trong thời gian nào?

- a. 1760 - 1785
b. 1784 – đầu thế kỉ XIX
c. 1760 – 1840
d. 1784 – 1840

5. Em hãy hoàn thành khái niệm về Cách mạng công nghiệp?

Cách mạng công nghiệp là quá trình chuyển từ

.....

6. Cách mạng công nghiệp dẫn đến hệ quả gì?

- a. Ra đời các trung tâm công nghiệp và thành phố lớn
b. Kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh
c. Giai cấp tư sản và vô sản trở thành 2 giai cấp cơ bản của XH tư bản
d. Tất cả các ý trên.

-----HẾT-----

Bài 6: XÂY DỰNG TÌNH BẠN TRONG SÁNG LÀNH MẠNH

I. Đặt Vấn Đề: Sgk/ 15, 16

Mác và Ăng ghen có tình bạn rất cao đẹp vì họ có cùng lí tưởng sống. họ luôn luôn thông cảm giúp đỡ bạn bè khi gặp khó khăn.

II-Nội dung bài học

1. Thế nào là tình bạn trong sáng:

a. Tình bạn: là tình cảm gắn bó giữa hai hay nhiều người cùng giới hoặc khác giới trên cơ sở hợp nhau về tính tình, sở thích hoặc quan niệm sống.

b. Đặc điểm của tình bạn trong sáng, lành mạnh:

- Phù hợp về quan niệm sống
- Bình đẳng tôn trọng lẫn nhau
- Chân thành, tin cậy và có trách nhiệm đối với nhau
- Thông cảm, đồng cảm sâu sắc với nhau

2. Ý nghĩa: tình bạn trong sáng, lành mạnh giúp:

- Cuộc sống ấm áp, tự tin hơn
- Tự hoàn thiện mình để sống tốt hơn.

3. Rèn luyện: Để xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh cần có thiện chí từ hai phía.

III. Bài tập

Bài 1: Hãy nêu những điều em thấy tự hào về tình bạn của mình. Em sẽ làm gì để xây dựng tình bạn trong sáng, lành mạnh với các bạn của mình.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Em có tán thành với những ý kiến sau đây không? Vì sao?

- a) Luôn quan tâm, giúp đỡ bạn bè khi gặp khó khăn.
- b) Rủ rê bạn mình chơi game, hút thuốc.
- c) Hòa đồng, thân thiện với các bạn nhưng cũng thẳng thắn góp ý khi bạn mắc khuyết điểm.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....
.....
.....
.....

DẶN DÒ

*Học nội dung bài học:

- Ý nghĩa của tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác.
- Khái niệm và cách rèn luyện giữ chữ tín.

*Hoàn thành 4 bài tập trên.

-----**HẾT**-----

12. MÔN: ÂM NHẠC 8

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Tiết 3:

- Ôn tập bài hát: Mùa thu ngày khai trường
- Ôn tập đọc nhạc: TĐN số 1
- Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Trần Hoàn và bài hát Một mùa xuân nho nhỏ

1. Ôn tập bài hát: Mùa thu ngày khai trường:

- Yêu cầu tập hát và học thuộc lời bài hát Mùa thu ngày khai trường
- Tập trình bày bài hát có tình cảm

2. Ôn tập bài Tập đọc nhạc: TĐN số 1 :

- Tập đọc tên nốt và giai điệu bài TĐN số 1
- Tập ghép lời bài đọc

3. Âm nhạc thường thức: Nhạc sĩ Trần Hoàn và bài hát Một mùa xuân nho nhỏ:

a. Nhạc sĩ Trần Hoàn:

- Tên thật là Nguyễn Tăng Hích. Quê quán Quảng Trị.
- Sinh ra trong gia đình có bố là người rất yêu thích âm nhạc. Ông đã tự học nhạc và bắt đầu sáng tác từ năm 16 tuổi. Năm 20 tuổi ông nổi tiếng với ca khúc Sơn nữ ca. Ông vừa là 1 người hoạt động cách mạng ưu tú và cũng là người hoạt động rất tích cực với nhiều đóng góp cho phong trào văn nghệ của địa phương. Trước khi về hưu, ông nguyên là Bộ trưởng bộ văn hóa – thông tin.
- Tác phẩm tiêu biểu: Sơn nữ ca, Lời người ra đi, Giữa Mạc Tư Khoa nghe câu hò ví dặm, Thăm bến Nhà rồng, Lời Bác dặn trước lúc đi xa...

b. Bài hát Nhạc rừng:

- Bài hát được nhạc sĩ Trần Hoàn phổ nhạc vào năm 1980 từ bài thơ Một mùa xuân nho nhỏ của nhà thơ Thanh Hải.
- Với chất liệu trữ tình của dân ca Huế, bài hát như vẽ nên 1 bức tranh xuân đầy tình cảm.
- Bài hát viết theo nhịp 6/8 với giai điệu phóng khoáng, trong sáng và sâu lắng.

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành yêu cầu dưới đây

- Tập hát diễn cảm bài hát Mùa thu ngày khai trường
- Tập đọc nốt và giai điệu bài TĐN số 1, ghép lời bài đọc
- Tìm hiểu nhạc sĩ Trần Hoàn và bài hát Một mùa xuân nho nhỏ

-----HẾT-----

13. MÔN: THỂ DỤC 8

A. BÀI THỂ DỤC PHÁT TRIỂN CHUNG

1. Ôn từ nhịp 1 - nhịp 11.

2. Học mới: nhịp 12 - nhịp 24

Nhịp 12



Về như nhịp 10,
nhưng đối bên



Nhịp 13



Về như nhịp 11,
nhưng bàn tay sáp



Nhịp 14



Gập thân, hai chân
thẳng, vỗ tay vào
nhau sát mặt đất, cúi
đầu mắt nhìn theo hai
bàn tay



Nhịp 15



Nâng thân lên một
chút, sau đó gập thân
vận mình sang trái, tay
phải chạm vào bàn
chân trái, tay trái duỗi
thẳng lên cao, hai chân
thẳng, cúi đầu mắt
nhìn theo bàn tay phải



Nhịp 16



Nâng thân lên một
chút, sau đó gập thân
vận mình sang phải,
tay trái chạm vào bàn
chân phải, tay phải
duỗi thẳng lên cao, hai
chân thẳng, cúi đầu
mắt nhìn theo bàn tay
trái



Nhịp 17



Về như nhịp 13



Nhịp 18



Quay 90° sang trái, dồn trọng tâm vào chân trái, chân phải phẩy sau mũi chân chạm đất, tay phải thẳng đưa xuống thấp-ra trước cùng tay trái giờ cao song song, lòng bàn tay hướng vào nhau, mắt hơi ngửa, mắt nhìn theo tay

Nhịp 19



Đá chân phải lên cao chéch sang trái, mũi chân duỗi thẳng, chân trái kiễng gót, đồng thời vận mình sang phải, hai tay giữ thẳng đánh từ trên cao-ra trước-xuống thấp-ra sau-chéch sang phải

Nhịp 20



Về như nhịp 18

Nhịp 21



Quay 90° sang phải thành đứng hai chân rộng hơn vai, hai tay dang ngang, bàn tay sấp, mắt nhìn trước

Nhịp 22



Về như nhịp 18, nhưng đôi bên

Nhịp 23



Về như nhịp 19, nhưng đôi chân

Nhịp 24



Về tư thế như nhịp 22

B. Bài thể lực : **Bật Đôi Chân**

Yêu cầu đối với nam: thực hiện ba tổ/mỗi tổ 3 phút, thời gian nghỉ giữ quãng là 5 phút

Yêu cầu đối với nữ: thực hiện ba tổ/mỗi tổ 2 phút, thời gian nghỉ giữa quãng là 5 phút

-----HẾT-----

14. MÔN: MỸ THUẬT 8

BÀI 3 : TRANG TRÍ QUẠT GIẤY (TIẾT 1)

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

1. Quan sát, nhận xét :

Có nhiều loại quạt phổ biến như : quạt giấy, quạt nan...

- Quạt giấy là loại có dáng nửa hình tròn, được làm bằng nan tre và bồi giấy hai mặt.
- Quạt giấy được trang trí bằng các họa tiết nổi, chòm khác nhau, có màu sắc đẹp dùng để quạt mát, treo trang trí hoặc trong biểu diễn nghệ thuật.

2. Tạo dáng và trang trí quạt giấy :

Tạo dáng :

- Vẽ hai nửa đường tròn đồng tâm có kích thước và bán kính khác nhau.
- Tạo dáng, sau đó vẽ nan quạt.

Trang trí :

- Tìm bố cục theo các thể thức : đối xứng, không đối xứng, hoặc trang trí bằng đường diềm...
- Tìm các họa tiết trang trí (hoa lá, mây nước, chim muông, rồng, phượng,...).
- Tìm mẫu phù hợp với nền và các họa tiết (có thể vẽ các họa tiết trang trí trên nền màu của giấy quạt).

B. LUYỆN TẬP: Học sinh hoàn thành yêu cầu dưới đây

Trang trí một quạt giấy có bán kính 12cm và 4cm

-----HẾT-----

***** HỌC SINH GHI CHÉP LẠI CÂU HỎI, THẮC MẮC LIÊN QUAN ĐẾN CÁC BỘ MÔN THEO MẪU DƯỚI ĐÂY!!!**

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ

Họ và tên HS:

Lớp:

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
1	Ngữ văn		
2	Toán		
3	Vật lý		
4	Hóa học		
5	GDCD		
6	Tin học		
7	Công nghệ		

8	Sinh học		
9	Mỹ thuật		
10	Thể dục		
11	Tiếng Anh		
12	Lịch sử		
13	Địa lý		
14	Âm nhạc		